

Số: 657/BC-UBND

Xã Phan Ngọc Hiển, ngày 04 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Giám sát việc tình hình thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-ĐGS ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Đoàn giám sát Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Xã Phan Ngọc Hiển được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, trên cơ sở sắp xếp các đơn vị hành chính theo quy định. Do đó, trong giai đoạn từ năm 2023 đến ngày 30/6/2025, xã Phan Ngọc Hiển chưa được thành lập và chưa thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn với tư cách là đơn vị hành chính hiện nay. Vì vậy, báo cáo tập trung đánh giá kết quả thực hiện từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/6/2026. Số liệu năm 2025 được tổng hợp theo số liệu quản lý trên địa bàn và số liệu được bàn giao sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân được triển khai trên địa bàn xã trong bối cảnh địa phương vừa thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình mới. Sau khi xã được thành lập, Ban Thường vụ Đảng ủy xã ban hành Kế hoạch số 11-KH/ĐU ngày 19/9/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW trong Đảng bộ xã; tiếp đó, Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Kế hoạch số 97-KH/ĐU ngày 11/5/2026 để bổ sung, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW trên địa bàn.

Địa bàn xã có lợi thế về nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản. Đến ngày 30/6/2026, tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước đạt 22.561/33.300 tấn, đạt 67,75% kế hoạch; trong đó sản lượng tôm đạt 8.838/11.000 tấn, đạt 80,35%, sản lượng cua đạt 726/920 tấn, đạt 78,91%. Diện tích nuôi tôm sinh thái đạt 9.200/8.600 ha, đạt 106,98% kế hoạch. Trên địa bàn có 02 nhà máy điện gió, tổng công suất 150 MW, đã vận hành thương mại 150/150 MW. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, thương mại, dịch vụ và các ngành nghề có lợi thế của địa phương.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ủy ban nhân dân xã xác định phát triển kinh tế tư nhân là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm huy động và phát huy các nguồn lực xã hội, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đóng góp vào phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Trên cơ sở Nghị quyết số 68-NQ/TW, Kế hoạch số 05-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình số 12-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tập trung vào cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, phát triển kinh tế tập thể, tiếp cận đất đai và vốn, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm chủ lực.

Kế hoạch số 97-KH/ĐU xác định phát triển kinh tế tư nhân là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương, nhất là lĩnh vực kinh tế biển, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản; đồng thời yêu cầu cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển thị trường.

Việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế tư nhân cũng được lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 của xã, gắn với phát triển sản xuất, kinh doanh theo hướng bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách

Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân; hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận các chính sách hỗ trợ theo quy định.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào đăng ký kinh doanh, phát triển kinh tế tập thể, chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp, tiếp cận vốn, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm OCOP và xúc tiến thương mại. Đồng thời, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực có thế mạnh của xã.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân được triển khai gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Nghị quyết số 68-NQ/TW, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đồng thời hướng dẫn các chủ thể tiếp cận chính sách về sản xuất, kinh doanh, đào tạo, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm OCOP. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn được thực hiện thông qua các hoạt động của Ủy ban nhân dân xã và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan của cấp tỉnh để thực hiện.

III. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1. Phát triển doanh nghiệp

Trong năm 2025, trên địa bàn có 08 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn đăng ký 250 tỷ đồng; đến cuối năm 2025 có 90 doanh nghiệp đang hoạt động, 02

doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và 04 doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn có 22 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 300 tỷ đồng, đạt 129,4% chỉ tiêu 17 doanh nghiệp tỉnh giao, vượt 05 doanh nghiệp so với chỉ tiêu; có 02 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và 03 doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động. Tính đến ngày 30/6/2026, số doanh nghiệp đang hoạt động là 107 doanh nghiệp.

Kết quả doanh nghiệp thành lập mới vượt chỉ tiêu tỉnh giao cho thấy hoạt động gia nhập thị trường của khu vực kinh tế tư nhân có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, quy mô hoạt động của phần lớn doanh nghiệp còn nhỏ, năng lực tài chính và khả năng tích lũy còn hạn chế.

2. Phát triển hộ kinh doanh

Năm 2025, trên địa bàn có 725 hộ kinh doanh đang hoạt động; đăng ký mới 73 hộ; thay đổi nội dung đăng ký 47 hộ; tạm ngừng 11 hộ; chấm dứt hoạt động 19 hộ; tổng vốn đăng ký hộ kinh doanh mới 12,459 tỷ đồng; có 01 hộ chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Đến ngày 30/6/2026, có 732 hộ kinh doanh đang hoạt động, 82 hộ đăng ký mới, 62 trường hợp thay đổi nội dung đăng ký, 01 trường hợp tạm ngừng và 44 trường hợp chấm dứt hoạt động; tổng vốn đăng ký của hộ kinh doanh mới là 15,676 tỷ đồng; có 05 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, đạt 100% chỉ tiêu năm 2026 được Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Việc đăng ký, thay đổi, tạm ngừng và chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định. Số hộ chuyển đổi thành doanh nghiệp có tăng so với năm 2025, tuy nhiên việc chuyển đổi còn phụ thuộc vào nhu cầu thực tế, quy mô hoạt động và khả năng đáp ứng các yêu cầu về quản trị, kế toán, thuế của từng hộ kinh doanh.

3. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và tổ hợp tác

Năm 2025, trên địa bàn có 14 hợp tác xã, trong đó 11 hợp tác xã đang hoạt động, 03 hợp tác xã ngừng, nghỉ hoạt động; không có hợp tác xã thành lập mới hoặc giải thể. Tổng vốn đăng ký, vốn góp của các hợp tác xã là 10,846 tỷ đồng. Đến ngày 30/6/2026, toàn xã có 13 hợp tác xã, trong đó 11 hợp tác xã đang hoạt động, 02 hợp tác xã ngừng, nghỉ hoạt động; phát sinh 01 hợp tác xã giải thể, không có hợp tác xã thành lập mới. Tổng vốn đăng ký, vốn góp là 10,646 tỷ đồng, giảm 0,2 tỷ đồng so với năm 2025.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 28/4/2026 về thực hiện Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn xã năm 2026, tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác, tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm đặc trưng của địa phương. Với 13 hợp tác xã, tổng số thành viên là 332 người; 56 tổ hợp tác có 606 thành viên. Các hợp tác xã và tổ hợp tác chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông

nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ vận tải, góp phần tập hợp các hộ sản xuất, hỗ trợ phát triển sản xuất, duy trì việc làm, tạo thu nhập cho thành viên và người lao động, đồng thời từng bước tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, đa số hợp tác xã có quy mô nhỏ, nguồn vốn góp của thành viên còn hạn chế, tài sản chung chưa nhiều nên khả năng đáp ứng điều kiện vay vốn và tiếp cận nguồn tín dụng còn hạn chế. Đối với các tổ hợp tác, quy mô hoạt động còn nhỏ, việc liên kết giữa các thành viên và khả năng mở rộng hoạt động còn hạn chế.

IV. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Ủy ban nhân dân xã xác định cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp là giải pháp quan trọng để tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân. Kế hoạch số 97-KH/ĐU yêu cầu đổi mới phương thức thực thi công vụ theo hướng phục vụ, hỗ trợ; công khai, minh bạch; ứng dụng chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực hộ kinh doanh, đến ngày 30/6/2026 có 82 hộ đăng ký mới, 62 trường hợp thay đổi nội dung đăng ký, 01 trường hợp tạm ngừng và 44 trường hợp chấm dứt hoạt động.

Công tác cải cách hành chính, công khai, minh bạch thủ tục và tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được duy trì theo quy định. Tuy nhiên, việc theo dõi, thống kê riêng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh còn gặp khó khăn, do chưa có công cụ hoặc phần mềm hỗ trợ phân loại, tổng hợp dữ liệu theo từng nhóm đối tượng. Vì vậy, chưa thể thống kê đầy đủ các chỉ tiêu về số lượng hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ giải quyết trước hạn, đúng hạn, trễ hạn, số phản ánh, kiến nghị và mức độ hài lòng của riêng khu vực kinh tế tư nhân.

V. TIẾP CẬN CÁC NGUỒN LỰC

1. Đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh

Công tác quản lý đất đai được quan tâm thực hiện, bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo quy định. Đến ngày 30/6/2026, đã cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 88/106 hồ sơ; trong đó, 88/88 hồ sơ đủ điều kiện xử lý được giải quyết đúng hạn, 18 hồ sơ đang trong quá trình giải quyết. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục về đất đai được thực hiện theo quy định, góp phần đáp ứng nhu cầu về đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Kế hoạch số 97-KH/ĐU xác định nhiệm vụ ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và cung cấp thông tin về quỹ đất, mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện thủ tục thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền; đồng thời phối hợp với cấp trên trong công tác giải phóng mặt bằng. Các nhiệm vụ này được triển khai gắn với công tác quản lý đất đai và giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn.

2. Tiếp cận vốn

Về tiếp cận nguồn vốn tín dụng, trên địa bàn xã hiện có 02 tổ chức tín dụng thực hiện cho vay, gồm Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đến ngày 30/6/2026, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, tổng dư nợ lũy kế 214.082 triệu đồng, nợ quá hạn 4.543 triệu đồng, chiếm 2,12% tổng dư nợ. Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng dư nợ cho vay lũy kế 830 tỷ đồng, nợ xấu 6,2 tỷ đồng, chiếm 0,75% tổng dư nợ. Các nguồn vốn tín dụng trên địa bàn góp phần đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của người dân và các chủ thể kinh tế, trong đó có doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận các chương trình tín dụng và chính sách hỗ trợ về vốn theo quy định. Kế hoạch số 97-KH/ĐU xác định nhiệm vụ phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng tạo điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận nguồn vốn phục vụ đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số.

Đối với hợp tác xã, việc tiếp cận vốn vay còn gặp khó khăn do đa số có quy mô hoạt động nhỏ, vốn góp của thành viên còn hạn chế và chưa có nhiều tài sản chung để bảo đảm điều kiện vay vốn. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng và cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường thông tin, hướng dẫn các chủ thể kinh tế tiếp cận nguồn vốn phù hợp; đồng thời phối hợp ghi nhận, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tiếp cận vốn theo thẩm quyền.

3. Nhân lực, đào tạo và nâng cao năng lực

Ủy ban nhân dân xã quan tâm phát triển nguồn nhân lực phục vụ sản xuất, kinh doanh; phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp và hợp tác xã tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề gắn với nhu cầu thực tế của địa phương, ưu tiên các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản và du lịch cộng đồng. Đồng thời, chú trọng nâng cao kỹ năng nghề, năng lực sản xuất, kinh doanh và khả năng thích ứng của người lao động trước yêu cầu phát triển của thị trường.

Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 được Hội đồng nhân dân xã thông qua, chỉ tiêu dạy nghề là 300 người, truyền nghề 500 người và giải quyết việc làm 1.500 người. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2026, đã tổ chức dạy nghề cho 50 người, đạt 16,67% chỉ tiêu; truyền nghề cho 250 người, đạt 50% chỉ tiêu; giải quyết việc làm cho 500 người, đạt 33,33% chỉ tiêu. Kết quả trên góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm và đáp ứng nhu cầu lao động phục vụ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

VI. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban nhân dân xã triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chủ trương của cấp trên và kế hoạch của địa phương; quan tâm tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận, từng bước ứng dụng công nghệ mới, thương mại điện tử và các nền tảng số vào hoạt động

sản xuất, kinh doanh; đồng thời khuyến khích đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng bền vững.

Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 được Hội đồng nhân dân xã thông qua, đến ngày 30/6/2026, tỷ lệ người dân trong độ tuổi được cài đặt Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID đạt 66,82%, so với chỉ tiêu 55%, đạt 121,49% chỉ tiêu. Tỷ lệ lao động giao dịch không dùng tiền mặt đạt 70,5%, so với chỉ tiêu 73%, đạt 96,58% chỉ tiêu. Tỷ lệ đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội được chi trả qua tài khoản đạt 83,7%, so với chỉ tiêu 70%, đạt 119,57% chỉ tiêu.

Kết quả chuyển đổi số từng bước tạo môi trường thuận lợi để người dân và các chủ thể sản xuất, kinh doanh tiếp cận các phương thức giao dịch điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số, qua đó hỗ trợ quá trình chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

VII. KẾT NỐI, LIÊN KẾT SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ

Ủy ban nhân dân xã quan tâm kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất, từng bước gắn sản xuất với chế biến, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm. Việc phát triển các mối liên kết được định hướng tập trung vào những lĩnh vực có lợi thế của địa phương như nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, thương mại, dịch vụ và du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; đồng thời khuyến khích hình thành các liên kết trong cung ứng nguyên liệu, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương.

Lĩnh vực thủy sản tiếp tục là ngành sản xuất chủ lực, tạo nền tảng cho việc hình thành và phát triển các mối liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Theo chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026, sản lượng thủy sản được giao 33.300 tấn; trong đó sản lượng tôm 11.000 tấn, sản lượng cua 920 tấn và diện tích nuôi tôm sinh thái 8.600 ha. Ước đến ngày 30/6/2026, tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 22.561 tấn, đạt 67,75% chỉ tiêu; trong đó sản lượng tôm đạt 8.838 tấn, đạt 80,35% chỉ tiêu và sản lượng cua đạt 726 tấn, đạt 78,91% chỉ tiêu. Diện tích nuôi tôm sinh thái đạt 9.200 ha, đạt 106,98% chỉ tiêu.

Cùng với phát triển sản xuất, xã tiếp tục quan tâm nâng cao giá trị và khả năng tiêu thụ sản phẩm thông qua phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và kết nối với các doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ. Qua đó, từng bước tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất tăng cường liên kết, nâng cao giá trị sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là đối với các sản phẩm thủy sản và sản phẩm có lợi thế của địa phương.

VIII. XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ OCOP

Xã quan tâm phát triển các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP gắn với lợi thế của địa phương, nhất là các sản phẩm từ thủy sản; đồng thời tạo điều kiện để các chủ thể nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện bao bì, xây dựng thương hiệu, quảng bá và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Đến ngày 30/6/2026, trên địa bàn xã có 07 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP đạt 03 sao, thuộc 03 chủ thể. Cụ thể, Cơ sở Minh Luân, có sản phẩm Bánh phòng tôm; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Châu Sang, có 05 sản phẩm gồm: Ba khía muối Rạch Gốc, Ba khía ủ nước mắm Châu Sang, Ba khía trộn sẵn, Khô cá kèo, Mắm tôm chua ngọt; Hợp tác xã Anh Thư, có sản phẩm Cá sơn rim nước mắm.

Trong năm 2026, xã tiếp tục thực hiện các thủ tục đề nghị đánh giá, công nhận thêm 05 sản phẩm OCOP, gồm 02 sản phẩm đăng ký lại là tôm khô, bánh phòng tôm; 03 sản phẩm đăng ký mới là cá lười trâu một nắng, cá đù xẻ lóc xương 1 nắng và cá cơm rim nước mắm. Bên cạnh đó, sản phẩm cá sơn rim nước mắm của Hợp tác xã Anh Thư, tham gia Hội thi sản phẩm tiêu biểu hợp tác xã và đạt giải Mai An Tiêm.

Việc duy trì, phát triển và đánh giá, phân hạng thêm các sản phẩm OCOP góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng nhận diện sản phẩm, tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ và phát huy lợi thế của các sản phẩm đặc trưng trên địa bàn.

IX. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ, SIÊU NHỎ VÀ HỘ KINH DOANH

Phối hợp với cơ quan Thuế tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh thực hiện các quy định về đăng ký, kê khai và nghĩa vụ thuế; đồng thời hướng dẫn thực hiện các yêu cầu về quản lý thuế theo quy định, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hộ kinh doanh duy trì và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh. Quan tâm tạo điều kiện để doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ và hộ kinh doanh tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật, thuế, kế toán và các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; từng bước khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi, tổ chức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp phù hợp với quy mô và điều kiện thực tế.

Đến ngày 30/6/2026, có 05 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, đạt 100% chỉ tiêu năm 2026 được Hội đồng nhân dân xã thông qua. Kết quả này góp phần mở rộng khu vực doanh nghiệp, tạo điều kiện để các chủ thể mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiếp cận các chính sách hỗ trợ phù hợp.

Trong thời gian tới, xã tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ và hộ kinh doanh tiếp cận các chính sách về thuế, kế toán, pháp lý, tài chính và chuyển đổi số phù hợp với quy mô, nhu cầu và điều kiện thực tế.

X. TIẾP CẬN VÀ THỤ HƯỞNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Ủy ban nhân dân xã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và phối hợp triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Nội dung hỗ trợ tập trung vào phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đào tạo, tư vấn, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm OCOP.

Qua rà soát, trên địa bàn đang triển khai các nhóm chính sách của tỉnh liên quan đến hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nâng cao năng

suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định.

Việc tiếp cận và thụ hưởng các chính sách được thực hiện theo nhu cầu và điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Đến ngày 30/6/2026, xã tập trung tuyên truyền, cung cấp thông tin, hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan chuyên môn để hỗ trợ các đối tượng tiếp cận chính sách; việc thụ hưởng cụ thể được thực hiện theo quy định và yêu cầu của từng chính sách.

Đối với các chính sách được ban hành hoặc điều chỉnh trong năm 2026, việc tiếp cận và thụ hưởng được thực hiện theo điều kiện, tiêu chí và trình tự, thủ tục quy định đối với từng chính sách. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn có quy mô nhỏ, năng lực tài chính và khả năng chuẩn bị hồ sơ còn hạn chế nên việc tiếp cận, hoàn thiện các điều kiện để thụ hưởng chính sách còn gặp khó khăn nhất định.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã tiếp tục phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tăng cường thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận các chính sách phù hợp; đồng thời rà soát, theo dõi kết quả thực hiện từng nhóm chính sách để kịp thời hỗ trợ, tổng hợp và đánh giá hiệu quả thực hiện trên địa bàn.

XI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trên địa bàn xã được quan tâm thực hiện, từng bước gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và điều kiện thực tế của địa phương. Các nội dung hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân được triển khai trên nhiều lĩnh vực, góp phần duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy các chủ thể kinh tế phát triển.

Khu vực doanh nghiệp có bước phát triển tích cực. Trong 6 tháng đầu năm 2026, có 22 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 129,4% chỉ tiêu 17 doanh nghiệp tính giao. Số doanh nghiệp đang hoạt động đến ngày 30/6/2026 theo số liệu đã rà soát, đối chiếu là 107 doanh nghiệp. Kết quả này cho thấy số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường có chuyển biến tích cực, vượt chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp được giao.

Khu vực hộ kinh doanh tiếp tục duy trì ổn định và có sự phát triển. Đến ngày 30/6/2026, toàn xã có 732 hộ kinh doanh đang hoạt động, 82 hộ đăng ký mới, với tổng vốn đăng ký của hộ kinh doanh mới là 15,676 tỷ đồng; có 05 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, đạt 100% chỉ tiêu năm 2026 được Hội đồng nhân dân xã thông qua. Việc chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp đã đạt chỉ tiêu; tuy nhiên trong thời gian tới cần tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn để khuyến khích các hộ kinh doanh có đủ điều kiện và nhu cầu tiếp tục chuyển đổi.

Kinh tế tập thể tiếp tục được củng cố. Hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác tiếp tục gắn với sản xuất, kinh doanh và phát huy lợi thế của địa phương, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản.

Sản xuất thủy sản tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã, Kết quả này tạo nền tảng cho phát triển các hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu thụ và liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất trên địa bàn.

2. Tồn tại, hạn chế

Quy mô hoạt động của phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh còn nhỏ; năng lực tài chính, quản trị, khả năng tích lũy và mở rộng hoạt động còn hạn chế. Việc chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp đã có kết quả, đạt chỉ tiêu năm 2026, nhưng số lượng chuyển đổi vẫn cần được tiếp tục quan tâm để đáp ứng yêu cầu phát triển khu vực doanh nghiệp trong thời gian tới.

Một số hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả, khả năng huy động vốn và tiếp cận tín dụng còn hạn chế. Việc xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và hình thành các mối liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Việc tiếp cận một số cơ chế, chính sách hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh còn hạn chế, nhất là đối với những chính sách có yêu cầu cụ thể về điều kiện, tiêu chí và hồ sơ.

Công tác tổng hợp, theo dõi và phân loại thông tin về mức độ tiếp cận, thụ hưởng chính sách, tiếp cận đất đai, vốn, khoa học, công nghệ và đào tạo theo từng nhóm chủ thể chưa đồng bộ, nên việc đánh giá đầy đủ kết quả hỗ trợ đối với từng đối tượng còn gặp khó khăn.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Xã được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính; việc tiếp nhận, rà soát, thống nhất dữ liệu và tổ chức quản lý trên địa bàn sau sắp xếp đang từng bước được hoàn thiện.

Phần lớn doanh nghiệp và hợp tác xã có quy mô nhỏ, khả năng tích lũy và huy động nguồn lực còn hạn chế; một số sản phẩm có quy mô sản xuất nhỏ, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng hoạt động và tham gia các chuỗi liên kết.

Việc tiếp cận một số chính sách hỗ trợ phụ thuộc vào đối tượng, tiêu chí, điều kiện và hồ sơ theo quy định; đồng thời, một số chính sách được ban hành hoặc điều chỉnh trong năm 2026 nên các đối tượng cần có thời gian để tiếp cận thông tin, rà soát điều kiện và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tuyên truyền, hướng dẫn một số chính sách chưa được thực hiện sâu đến từng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; việc nắm bắt nhu cầu, khó khăn và đề xuất hỗ trợ của từng chủ thể chưa được thực hiện thường xuyên.

Năng lực quản trị, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường của một số hợp tác xã còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng quy mô, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Việc tổng hợp, theo dõi riêng kết quả tiếp cận và thụ hưởng từng chính sách theo từng nhóm chủ thể chưa được thực hiện đồng bộ, do chưa có công cụ hỗ trợ phân loại, tổng hợp dữ liệu riêng theo từng đối tượng, nên việc cập nhật và đánh giá kết quả hỗ trợ còn gặp khó khăn.

XII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 198/2025/QH15, Chương trình số 12-CTr/TU và Kế hoạch số 97-KH/ĐU phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của xã; tập trung vào những nội dung còn hạn chế và những nhiệm vụ có khả năng thực hiện trực tiếp tại địa phương.

2. Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; công khai, minh bạch thủ tục hành chính, hướng dẫn đầy đủ các quy định có liên quan và kịp thời giải quyết hoặc phối hợp xử lý những nội dung thuộc thẩm quyền.

3. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan Thuế hướng dẫn về quản lý thuế, kế toán và các nghĩa vụ có liên quan, đồng thời tiếp tục tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo quy định.

4. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, tiếp cận vốn, phát triển thị trường và từng bước nâng cao khả năng tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

5. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất, nhất là trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản; gắn sản xuất với chế biến, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành các chuỗi liên kết phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

6. Tiếp tục phát triển sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của địa phương; chú trọng nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và kết nối tiêu thụ; tạo điều kiện để các chủ thể tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại phù hợp.

7. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực quản trị, sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh từng bước tiếp cận, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và thương mại điện tử phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế.

8. Tăng cường nắm bắt tình hình hoạt động, khó khăn, vướng mắc và nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; định kỳ rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

XIII. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

- Tiếp tục quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tiếp cận các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường, phù hợp với đặc điểm, quy mô và lợi thế của địa phương.

- Tăng cường các hoạt động kết nối cung – cầu, xúc tiến thương mại và kết nối doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất; hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng, nhất là sản phẩm thủy sản của địa phương.

- Quan tâm tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh, tập trung vào quản trị, kế toán, thuế, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và phát triển thị trường.

- Tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, cung cấp thông tin và phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong quá trình triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ; kịp thời hướng dẫn đối với những chính sách mới ban hành hoặc có thay đổi về điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện.

2. Về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo hướng phù hợp với quy mô, năng lực và điều kiện thực tế của các chủ thể tại cơ sở; tăng cường hướng dẫn để chính sách dễ tiếp cận và thuận lợi trong quá trình thực hiện.

- Có hướng dẫn thống nhất về đối tượng, điều kiện thụ hưởng, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện để doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chủ động chuẩn bị, tiếp cận chính sách.

- Quan tâm các giải pháp hỗ trợ hợp tác xã quy mô nhỏ có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, nhưng còn khó khăn về vốn và tài sản bảo đảm trong tiếp cận tín dụng.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh (tổng hợp);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh thanh Đảm